

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 11-5-2022

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT
*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quang Phúc

Các Hội thẩm nhân dân: bà Nguyễn Thị Thắm; bà Phạm Thị Lan

Thư ký phiên tòa: Bà Quách Thị Khuyến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất ghi biên bản phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất không tham gia phiên tòa:

Ngày 11 tháng 5 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 21/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2022 giữa:

- Nguyên đơn: Ông **Lê Văn H**, sinh năm: 1961

Địa chỉ: .., Quốc Lộ 1A, ấp H Ngh, xã H L, huyện Th Nh, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị R**, sinh năm: 1963;

- HKTT: ấp N Q, xã B H, huyện Th Nh.

Nơi cư trú: Thôn Ng L, xã H B, huyện V Th, tỉnh Thái Bình.

(ông H và bà R vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 13/10/2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Lê Văn H trình bày:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Ông H và bà R quen biết tìm hiểu yêu thương nhau và tự nguyện kết hôn, được UBND xã Hưng Lộc, huyện Thống Nhất cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 30/5/2006.

Cuộc sống chung vợ chồng thường xảy ra nhiều bất đồng, mâu thuẫn, ngay từ sau khi kết hôn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, thường xảy ra tranh cãi, nguyên nhân chủ yếu là do bà R không tôn trọng ông H, nhiều lần chửi bới ông H mà không có lý do, thậm chí có lần bà R còn chửi bới ông H trước mặt bạn bè, sự việc này được thể hiện trong bản kiểm điểm cá nhân của bà R. Sau nhiều lần xảy ra mâu thuẫn, ông H đã tổ chức họp

gia đình vào ngày 24/5/2015 để bà R nhận lỗi và sửa đổi nhưng bà R chỉ nói miệng là cam kết thay đổi tính tình nhưng trên thực tế trong cuộc sống hằng ngày bà R vẫn “chứng nào tật đấy” dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng.

Từ tháng 9 năm 2019 đến nay thì bà R đã chuyển về Thái Bình sinh sống cùng mẹ ruột, đây cũng chính là thời điểm vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Kể từ đó đến nay vợ chồng không quan tâm đến nhau, việc ai nấy làm.

Đến nay ông H xác định không còn tình cảm với bà R, ông H xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên ông yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị R.

- ***Về con chung:*** Vợ chồng chung sống không có con chung.
- ***Về tài sản chung:*** Ông Lê Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- ***Về nợ chung:*** Vợ chồng chung sống không có nợ chung.
- ***Về nợ riêng:*** Không có.

* *Tại các bản tường trình đề ngày 01/11/2021 và bản trình bày ý kiến đề ngày 12/4/2022 bà Nguyễn Thị R trình bày:*

- ***Về quan hệ hôn nhân:*** Bà R và ông H quen biết tìm hiểu yêu thương nhau và tự nguyện kết hôn, được UBND xã Hưng Lộc, huyện Thống Nhất cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 30/5/2006. Đây là hôn nhân lần thứ nhất của bà R.

Trong quá trình chung sống thì thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, tuy nhiên về sau khi vợ chồng có tài sản thì mới phát hiện ra vợ chồng không hợp nhau về tính tình, bất đồng quan điểm sống. Ông H tính tình gia trưởng, mọi vấn đề trong gia đình ông H tự quyết định, bà R đã nhiều lần góp ý nhưng ông H không thay đổi. Mặt khác ông H thường có những câu nói liên quan đến việc bà R không có con và đi nói xấu bà R nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mỗi lần vợ chồng tranh cãi thì ông H đuổi bà R ra khỏi nhà, có lần bà R phải chuyển ra nhà trọ sống 01 tháng sau đó lại về sống chung với ông H để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ, tuy nhiên sau khi vợ chồng về sống chung lại tiếp tục xảy ra mâu thuẫn.

Từ tháng 9 năm 2019 đến nay bà R đã chuyển về sống cùng mẹ ruột tại tỉnh Thái Bình, đây cũng là thời điểm sống ly thân của vợ chồng. Kể từ đó đến nay vợ chồng không quan tâm đến nhau, không thực hiện quyền, nghĩa vụ chung vợ chồng, việc ai nấy làm.

Nay bà R xác định đã hết tình cảm với ông H, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà R đồng ý ly hôn với ông H, tuy nhiên do hiện nay bà R đang sinh sống tại Thái Bình không thể đến Tòa án tham gia phiên hòa giải để vợ chồng thuận tình ly hôn với nhau nên bà đề nghị Tòa án xét xử vụ án theo quy định pháp luật. Bà và ông H có văn bản thỏa thuận lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất giải quyết vụ án.

- ***Về con chung:*** Vợ chồng không có con chung.

- **Về tài sản chung:** Bà Nguyễn Thị R không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- **Về nợ chung:** Vợ chồng chung sống không có nợ chung.
- **Về nợ riêng:** Không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn ông Lê Văn H khởi kiện tranh chấp ly hôn, bị đơn bà Nguyễn Thị R có nơi cư trú tại: Thôn Ngũ Lão, xã Hòa Bình, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình, tuy nhiên giữa bà R và ông H đã có biên bản thỏa thuận về việc yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất thụ lý vụ án ly hôn giữa ông H và bà R nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị R vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét quan hệ tranh chấp trong vụ án:

[2.1] Về yêu cầu ly hôn: Ông H và bà R tự nguyện yêu thương nhau và đi đến kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Hưng Lộc, huyện Thống Nhất cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 30/5/2006. Căn cứ Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, quan hệ hôn nhân của ông H và bà R là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của ông Lê Văn H, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo trình bày của ông H và bà R mặc dù không có sự thống nhất về nguyên nhân dẫn đến việc vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, tuy nhiên ông, bà đều thừa nhận trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Trong cuộc sống gia đình ông, bà đã thiếu sự yêu thương, nhường nhịn và tôn trọng lẫn nhau nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Mâu thuẫn kéo dài đã làm ảnh hưởng đến tình cảm của vợ chồng nên ông, bà đã phải sống ly thân, nhiều lần ông, bà đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục.

Ông H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn do mâu thuẫn vợ chồng ông không thể khắc phục, giữa ông và bà R không còn tình cảm yêu thương lẫn nhau, bà R cũng thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tuy nhiên do hiện nay bà R ở xa nên không thể đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải để Tòa án lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn nên bà R đề nghị Tòa án xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy: Trong cuộc sống của ông H và bà R đã để xảy ra mâu thuẫn kéo dài không thể khắc phục, cuộc sống chung của ông H, bà R không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyện vọng ly

hôn của ông H là chính đáng, căn cứ các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông H.

[2.2] Xét về con chung: Vợ chồng chung sống không có con chung.

[3] Về tài sản chung: Ông H và bà R không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về nợ chung: Ông H và bà R trình bày không có nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, ông Hãn được miễn nộp án phí do thuộc đối tượng người cao tuổi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 56, Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về ly hôn của ông Lê Văn H.

1.Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị R.

2.Về con chung: HĐXX không xem xét giải quyết.

3.Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết, nợ chung các đương sự khai không có.

4.Về án phí: Ông Lê Văn H được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm do thuộc đối tượng người cao tuổi, theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Hoàn trả cho ông Lê Văn H số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tại biên lai thu số 0003274 ngày 15/10/2021 tại chi cục thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

5. Về quyền kháng cáo: Ông H, bà R có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- TAND T. Đồng Nai;
- VKSND H. Thống Nhất;
- Chi cục THADS H.Thống Nhất;
- UBND xã Hưng Lộc, huyện Thống Nhất
(Quyền số 1/2006 ngày 30/5/2006);
- Lưu hồ sơ vụ án.

